TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Bản án số: 63/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29.4.2020
"V/v ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Xuân Dũng - Cán bộ hưu trí xã Nhơn An, thị xã An Nhơn
2. Ông Lê Minh Chiến - Cán bộ hưu trí phường Bình Định, thị xã An Nhơn

- Thư ký phiên Tòa: Cô Nguyễn Mai Đoan Thục - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 64/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2020, về việc "Ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị Tố N, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm A, KV. A, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định

* *Bị đơn*: Anh Trần Ngọc T, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: 395 đường Q, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Theo đơn khởi kiện bản tự khai nguyên đơn chị Phạm Thị Tố N trình bày*: Chị và anh Trần Ngọc T tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại UBND phường B, vợ chồng kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Sau khi cưới vợ chồng sống tại nhà chồng ở phường B. Đến cuối năm 2009 thì anh T bị bệnh liệt nửa người nhưng anh T vẫn có thể di chuyển trên xe ba bánh, lúc đó chị ở nhà phụ mẹ chồng bán chè, vợ chồng chung sống bình thường, hạnh phúc. Đến giữa năm 2016 thì anh T tỏ ra ghen tuông, không tin tưởng chị và đánh chị nên đến tháng 9/2017 chị dẫn con về nhà cha mẹ ruột sống. Sau đó 3 ngày thì chị về lại nhà chồng nhưng không ai coi chị ra gì, chồng lạnh nhạt nên chị bỏ về nhà cha mẹ chị sống luôn cho đến nay. Trong khoảng thời gian chị về nhà cha mẹ ruột sống thì anh T không có lần nào điện thoại cho chị nói quay lại, cha mẹ hai bên cũng không có lần nào gặp nhau để giải quyết chuyện của vợ chồng chị. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2017 cho đến nay. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu được ly hôn với anh Trần Ngọc T.

Về con chung: Có 02 người con tên Trần Ngọc Bích N1, sinh ngày 02.01.2010 và Trần Quang V, sinh ngày 06.06.2016, hiện cháu N1 đang ở với anh T, còn cháu V đang ở với chị. Ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu V, giao cháu N1 cho anh T nuôi, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

** Theo bản tự khai và biên bản lấy lời khai bị đơn anh Trần Ngọc T trình bày*: Thống nhất như lời trình bày của chị N về thời gian cưới, nơi đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ anh ở phường B. Vợ chồng cưới đầu năm 2009, đến cuối năm anh bị bệnh liệt hai chân. Vợ chồng chung sống bình thường được một thời gian, đến năm 2010 vì chán nản cảnh bệnh tật của anh nên chị N bỏ về nhà mẹ ruột sống. Được hai tháng thì chị N quay về, vợ chồng chung sống bình thường. Đến năm 2017, chị N thường đi chơi ngoài đường, anh có khuyên giải nhưng chị N không nghe nên anh tức đuổi chị N đi. Sau đó một thời gian, chị N quay về chung sống nhưng tỏ ra lạnh nhạt với anh. Đến cuối năm 2017 thì chị N bỏ đi luôn không về nữa. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị N nên anh thống nhất ly hôn với chị N.

Về con chung: Có 02 người con tên Trần Ngọc Bích N1, sinh ngày 02.01.2010 và Trần Quang V, sinh ngày 06.06.2016, hiện cháu N1 đang ở với anh, còn cháu V đang ở với chị N. Ly hôn anh yêu cầu được nuôi cháu N1, giao cháu V cho chị N nuôi, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Tố N và anh Trần Ngọc T theo điều 55 Luật hôn nhân gia đình.

- Về con chung: Căn cứ Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, giao cháu Trần Ngọc Bích N1 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Trần Quang V cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Phạm Thị Tố N khởi kiện xin ly hôn với anh Trần Ngọc T có địa chỉ cư trú tại số nhà 395 đường Q, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.

[1.2] Nguyên đơn chị Phạm Thị Tố N và bị đơn anh Trần Ngọc T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Tố N và anh Trần Ngọc T có thời gian tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau, được UBND phường B cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên trong quá trình chung sống, giữa chị N, anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn nhưng giữa hai anh chị lại không thể hàn gắn, giải quyết, từ đó dẫn đến chấm dứt việc sống chung, sống ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay. Trong quá trình làm việc, chị N, anh T cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên thống nhất ly hôn. Tuy nhiên, do anh T bị bệnh liệt hai chân, rất khó khăn trong việc đi lại nên yêu cầu không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, do đó không thể tiến hành thủ tục hòa giải để công nhận thuận tình ly hôn giữa chị N và anh T. Trên cơ sở xem xét yêu cầu của chị N, anh T thấy rằng việc thuận tình ly hôn của hai anh chị là tự nguyện và phù hợp với thực tế mâu thuẫn nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Tố N và anh Trần Ngọc T.

[2.2] Về con chung: Chị N, anh T có 02 người con chung tên Trần Ngọc Bích N1, sinh ngày 02.01.2010 và Trần Quang V, sinh ngày 06.06.2016, hiện cháu N1 đang do anh T nuôi dưỡng, còn cháu V đang do chị N nuôi dưỡng. Chị N, anh T thống nhất giao cho chị N tiếp tục nuôi cháu V, giao anh T tiếp tục nuôi cháu N1, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai. Xét yêu cầu của chị N, anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc thỏa thuận giao cho anh T tiếp tục nuôi cháu Trần Ngọc Bích N1 là phù hợp với nguyện vọng của cháu N1 muốn ở với cha. Đối với cháu Trần Quang V vẫn còn nhỏ, rất cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ nên giao cho chị N tiếp tục nuôi cháu V là hợp lý. Vì vậy, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa chị N, anh T; giao cho anh T tiếp tục nuôi cháu Trần Ngọc Bích N1, giao cho chị N tiếp tục nuôi cháu Trần Quang V. Chị N, anh T không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N, anh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Phạm Thị Tố N phải chịu theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội số 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51, 53, 55, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội số 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Tố N và anh Trần Ngọc T.

2/ Trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau ly hôn: Giao người con tên Trần Ngọc Bích N1, sinh ngày 02.01.2010 cho anh T tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Giao người con tên Trần Quang V, sinh ngày 06.06.2016 cho chị N tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Chị N, anh T không yêu cầu giải quyết, không xét.

4/ Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Phạm Thị Tố N phải chịu 300.000đ được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004877 ngày 03.02.2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

5/ Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Mỹ Lệ

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Định*
- *VKSND TX. An Nhơn*
- *Chi cục THA TX. An Nhơn*
- *UBND phường B*
- *Các đương sự*
- *Lưu hồ sơ*
- *Lưu án văn*